

Số: /BC7N-CCTTBVTV

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 27/6/2024 đến ngày 03/7/2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 27 - 31⁰C Cao nhất: 32 - 36⁰C Thấp nhất: 22 - 26⁰C

Độ ẩm trung bình: 83 - 88 % Cao nhất: 85 - 90 % Thấp nhất: 80 - 85 %

Khu vực các huyện phía Đông, Đông Bắc: Mây thay đổi, ngày nắng, chiều tối có mưa rào và dông vài nơi. Khu vực các huyện phía Đông Nam: Mây thay đổi, ngày nắng nóng, chiều tối có mưa rào và dông vài nơi. Khu vực các huyện phía Tây, Tây Bắc, Tây Nam, thị xã An Khê và thành phố Pleiku: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, chiều tối có mưa rào và dông rải rác. Các loại cây trồng sinh trưởng, phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Vụ Mùa 2024	Sớm	Mạ	7.750	
	Đại trà	Gieo sạ-Mạ	13.868,1	
	Tổng cộng		21.618,1	

b) Cây trồng khác:

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
- Cây Ngô	Cây con	18.977,9	
Cây sắn (Vụ Đx)	Phát triển củ	10.581,4	
- Cây sắn (TM vụ Mùa)	Cây con	53.798,3	
- Cây Khoai lang	Phát triển rễ	2.211,7	
- Cây Rau, dưa các loại	Các giai đoạn	12.044,1	
- Đậu các loại	Cây con	11.026,3	
- Cây mía (TM)	Cây con	907,4	
- Cây lạc	Gieo hạt- cây con	1.312,6	

- Cây Cà phê	Chăm sóc, quả non	100.609 (TM: 501; TC:1.734; CS: 8.279; KD: 90.095)	
- Cây Tiêu	Chăm sóc	8.798 (TM:83; TC:48; KD: 7.901,7)	
- Cây Điều	Chăm sóc	36.900 (TM: 114, TC: 66; CS:2.230; KD: 34.490,2)	
- Cây Cao su	Chăm sóc	86.870 (TM:54; TC: 2.219; CS: 21.097; KD: 63.500)	
- Cây Chè	Chăm sóc	527	
- Cây hàng năm khác	Các giai đoạn sinh trưởng	4.398,3	
- Cây ăn quả	Chăm sóc	32.045	
	Trồng mới	691,8	

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai:

Cây trồng bị ảnh hưởng	Diện tích bị ảnh hưởng và khắc phục (ha)				
	Giảm NS 30-70%	Mất trắng (> 70%)	Đã gieo cây lại	Đã trồng cây khác	Đề đất trồng

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Cây lúa: Gieo sạ, mạ, đẻ nhánh					
1	Bọ trĩ	2,0	20,0		T1-T4	Đăk Đoa, Kông Chro, Đăk Pơ...
2	Tuyến trùng hại rễ	3,0	20,0		C1-C3	Đăk Đoa, Đăk Pơ
3	Nghệt rễ	2,0	30,0		C1-C3	Đăk Đoa, Đăk Pơ
II	Cây Rau: Các giai đoạn					
1	Ruồi đục quả (họ bầu bí)	10,0	30,0		N-TT	Tp.Pleiku
2	Sâu tơ (họ thập tự)	3,0	15,0		N-TT	Tp.Pleiku, Đăk Pơ
3	Bệnh thán thư (cây ớt)	4,0	10,0		C1-C3	An Khê, Đăk Pơ
III	Cây Sắn: Phát triển thân, lá, củ					
1	Khảm lá virus	1,0	23,3		C1-C5	Krông Pa, Ayun Pa, Ia Pa, Phú Thiện

IV Cà phê: Chăm sóc, quả non							
1	Bệnh gỉ sắt	2,0	30,0		C3-C5	Chư Prông, Kbang, Đak Đoa, Chư Sê...	
2	Rệp sáp	2,0	50,0		N-TT	Chư Sê, Đúc Cơ, Đak Đoa, Chư Puh, Chư Păh, Pleiku...	
3	Rệp vảy xanh, nâu	1,67	50,0		N-TT	Chư Sê, Đúc Cơ, Đak Đoa, Chư Puh, Chư Păh, Pleiku.	
4	Bệnh khô cành	2,0	50,0		C3-C5	Chư Prông, Ia Grai, Chư Sê, Đak Đoa,...	
V Cây Tiêu: Chăm sóc - Ra hoa							
1	Bệnh chết chậm	1,0	30,0		C1-C5	Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa,.	
VI Cây Mía: Để nhánh							
1	Xén tóc	1,0	10,0		N-TT	Kbang, Đak Pơ, Phú Thiện, An Khê.	
2	Bọ hung	1,0	2,0		N-TT	Đak Pơ, An Khê	
VII Cây Điều: Chăm sóc							
1	Bọ xít muỗi	2,8	24,3		N-TT	Kông Chro, Krông Pa., Đúc Cơ	
2	Sâu đục thân, cành	2,0	30,0		N-TT	Đúc Cơ, Ia Grai, Kông Chro	
VIII Cây ăn quả							
a Cây sầu riêng: Chăm sóc, quả non, thu hoạch							
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	3,0	20,0		C1-C3	Chư Prông, Đúc Cơ	
2	Rầy bông (rầy phấn)	2,0	25,0		N-TT	Đúc Cơ, Chư Prông	
b Cây chanh dây: Chăm sóc, thu hoạch							
1	Bệnh virus	5,4	16,2		C1-C3	Chư Prông	
2	Ruồi đục quả	5,0	20		N-TT	Chư Prông, Đak Đoa	

2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I Cây lúa: Gieo sạ, mạ, để nhánh								
1	Bọ trĩ	213,1	45			258,1	64,4	Đak Đoa, Kông Chro...
2	Tuyến trùng hại rễ	90	45			135	-	Đak Đoa, Đak Pơ
3	Nghẹt rễ	95				95	-	Đak Đoa, Đak Pơ
II Cây Rau: Các giai đoạn								
1	Ruồi đục quả (họ bầu bí)	17				17	10	Tp.Pleiku
2	Sâu tơ (họ thập tự)	66	45			111	92	Tp.Pleiku, Đak Pơ
3	Bệnh thán thư (cây ớt)	115	50			165	80	Tx.An Khê, Đak Pơ

III	Cây Sắn: Phát triển thân, lá, củ							
1	Khảm lá virus	177,3	12,5	1,7		191,5	-	Krông Pa, IaPa, Ayun Pa, Phú Thiện
IV	Cà phê: Chăm sóc, quả non							
1	Bệnh gỉ sắt	2.972,9				2.972,9	471	Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Kbang...
2	Rệp sáp	3.241	315,5			3.556,5	1.881	Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Sê, ...
3	Rệp vảy xanh, nâu	891,3	153,6			1.044,9	170	Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Sê, ...
4	Bệnh khô cành	2.793	212,8			3.005,8	648	Chư Prông, Ia Grai, Mang Yang
V	Cây Tiêu: Chăm sóc							
1	Bệnh chết chậm	340	310,3	92,3		742,6	170	Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa,...
VI	Cây Mía: Đẻ nhánh, vươn lóng							
1	Xén tóc	80				80	28	Kbang, Đak Pơ, Phú Thiện
2	Bọ hung	23				23	13	Đak Pơ
VII	Cây Điều: Chăm sóc							
1	Bọ xít muỗi	289,9	32			321,9	300	Kông Chro, Krông Pa, Đúc Cơ...
2	Sâu đục thân, cành	439	207,5			646,5	301	Đúc Cơ, IaGrai, KôngChro...
VIII	Cây ăn quả							
1	Cây sầu riêng: Chăm sóc, quả non, thu hoạch							
a	Bệnh cháy lá, chết đọt	52				52	46	Chư Prông, Đúc Cơ
b	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	28				28	28	Đúc Cơ, Chư Prông
2	Cây chanh dây: Chăm sóc, thu hoạch							
a	Bệnh virus	10				10	-	Chư Prông
b	Ruồi đục quả	11				11	-	Chư Prông, Đak Đoa

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

- **Trên cây lúa vụ Mùa 2024:** Bọ trĩ gây hại với TLH 2,0-20,0%, DTN 258,1 ha (nhẹ 213,1 ha, trung bình 45 ha), gây hại tại huyện Đak Đoa, Kông Chro, .. tăng 57,5 ha so với kỳ trước; bệnh nghệt rễ gây hại với TLB 2,0-30,0%, DTN 95 ha (nhẹ) gây hại tại huyện Ia Grai, Đak Đoa... tăng 15 ha so với kỳ trước; tuyến trùng rễ gây hại với TLB 3,0-20,0%, DTN 135 ha (nhẹ 40 ha, trung bình 45 ha) gây hại tại huyện Ia Grai, Đak Đoa... tăng 52 ha so với kỳ trước. Sâu keo, sâu phao gây hại rải rác.

- **Trên cây rau:** Sâu tơ (*họ thập tự*), bệnh phấn trắng (*họ bầu bí*), bệnh thán thư (*cây ớt*) gây hại rải rác tại các vùng trồng rau.

- **Trên cây cà phê:** Bệnh gỉ sắt gây hại với TLB 2,0-30,0%, DNT 2.972,9 ha (nhẹ) gây hại tại huyện Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai, Tp.Pleiku... tăng 504,1 ha so với kỳ trước. Rệp sáp gây hại với TLH 2,0-50,0%, DTN 3.556,5 ha (nhẹ 3.241 ha, trung bình 315,5 ha) gây hại tại huyện Chư Prông, Mang Yang, Chư Sê, Ia Grai... giảm 555,5 ha so với kỳ trước. Rệp vảy xanh, nâu gây hại với TLH 1,67-50,0%, DTN 1.044,9 ha (nhẹ 891,3 ha, trung bình 153,6 ha) gây hại tại huyện Chư Prông, Mang Yang, Chư Sê, Ia Grai... giảm 25,4 ha so với kỳ trước. Bệnh khô cành gây hại với TLB 2,0-50,0%, DTN 3.005,8 ha (nhẹ 2.793 ha, trung bình 212,8 ha) gây hại tại huyện Chư Prông, Ia Grai, Mang Yang... giảm 24,4 ha so với kỳ trước. Các đối tượng khác gây hại rải rác.

- **Trên cây tiêu:** Bệnh vàng lá chết chậm gây hại với TLB 1,0-30,0%, DTN 742,6 ha (nhẹ 340 ha, trung bình 310,3 ha, nặng 92,3 ha), giảm 12 ha so với kỳ trước, tăng 24 ha so với cùng kỳ năm trước, gây hại tại huyện Mang Yang, Chư Prông, Đak Đoa...

- **Trên cây mía:** Xén tóc gây hại với TLH 1,0-10,0%, DTN 80 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Phú Thiện, K'bang, Đak Pơ; Bọ hung gây hại với TLH 1,0-2,0%, DTN 23 ha (nhẹ) tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Đak Pơ; bệnh trắng lá mía gây hại rải rác.

- **Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus gây hại với TLB 1,0-23,3%, DTN 191,5 ha (nhẹ 177,3 ha, trung bình 12,5 ha, nặng 1,7 ha), giảm 01 ha so với kỳ trước, giảm 684 ha so với cùng kỳ năm trước, gây hại tại huyện Krông Pa 112 ha, Ia Pa 50 ha, Phú Thiện 10 ha và thị xã Ayun Pa 19,5 ha.

- **Trên cây điều:** Bọ xít muỗi gây hại với TLH 2,8-24,3%, DTN 321,9 ha (nhẹ 289,9 ha, trung bình 32 ha), gây hại tại huyện Kông Chro, Krông Pa, Đức Cơ... giảm 24,2 ha so với kỳ trước. Sâu đục thân, cành gây hại với TLH 2,0-30,0%, DTN 646,5 ha (nhẹ 439 ha, trung bình 207,5 ha), gây hại tại Đức Cơ, IaGrai... giảm 39,2 ha so với kỳ trước.

- Trên cây ăn quả:

+ Cây sầu riêng: Bệnh cháy lá, chết đọt gây hại với TLB 3,0-20,0% DTN 52,0 ha (nhẹ), gây hại tại huyện Chư Prông, Đức Cơ, tương đương so với kỳ trước. Rầy bông (rầy phân, tua trắng) gây hại với TLH 2,0-25,0% DTN 28 ha (nhẹ), gây hại tại huyện Chư Prông, Đức Cơ, giảm 04 ha so với kỳ trước.

+ Cây chanh dây: Bệnh virus gây hại với TLH 5,4-16,2% DTN 10 ha, gây hại tại huyện Chư Prông, tương đương so với kỳ trước. Ruồi đục quả gây hại với TLH 5,0-20% DTN 11 ha, gây hại tại huyện Chư Prông, Đak Đoa, tương đương so với kỳ trước.

- **Cây trồng khác:** Sâu bệnh gây hại rải rác; diện tích và mật độ sâu bệnh hại thấp, mức độ gây hại không đáng kể.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- **Trên cây lúa vụ Mùa 2024:** Trên lúa trà sớm: Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá, chuột tiếp tục gây hại. Trên lúa trà chính vụ và trà muộn: Bọ trĩ, tuyến trùng rễ, bệnh nghệt rễ, ốc brou vàng... tiếp tục gây hại.

- **Trên cây rau:** Các đối tượng sâu bệnh xuất hiện và gây hại rải rác và tăng nhẹ trên những diện tích nhiễm từ trước.

- **Trên cây cà phê:** Rệp sáp, rệp vảy gây hại có xu hướng giảm do điều kiện thời tiết và công tác phòng trừ của người dân. Bệnh gỉ sắt, khô cành gây hại có xu hướng tăng do điều kiện thời tiết.

- **Trên cây tiêu:** Bệnh héo chết nhanh, vàng lá chết chậm tiếp tục gây hại trên những diện tích đã nhiễm. Rệp sáp cành, gốc, tuyến trùng rễ, bọ xít tiếp tục gây hại.

- **Trên cây điều:** Bọ xít muỗi, sâu đục thân cành, sâu đục rệp lá... tiếp tục gây hại trên những diện tích đang ra lá, đọt non.

- **Trên cây mía:** Bọ hung, xén tóc tiếp tục gây hại trên diện tích đã bị nhiễm.

- **Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus hại sắn tiếp tục gây hại trên các diện tích đã nhiễm.

- **Trên cây ăn quả:** Nhện đỏ, rầy rệp các loại... gây hại trên cây sầu riêng; ruồi đục quả, bệnh virus, gây hại trên cây chanh dây; bệnh vàng lá gân xanh, bọ trĩ... gây hại trên cây có múi.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Nhằm giảm thiểu thiệt hại do sâu bệnh gây ra trong thời gian tới, các địa phương cần triển khai thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng tại các văn bản hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Văn bản số 1354/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 19/4/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng trong vụ Mùa và cả năm 2024; Văn bản số 3171/SNNPTNT-TTBVTV ngày 10/8/2022 về việc hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên một số cây trồng có tiềm năng xuất khẩu; Văn bản số 545/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 22/8/2022 về việc hướng dẫn kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh Greening, bệnh vàng lá thối rễ và bệnh Tristeza gây hại trên cây trồng có múi; Văn bản số 625/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 21/9/2022 về việc điều tra, nắm bắt và báo cáo số liệu sâu bệnh gây hại cây ăn quả trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 418/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 30/5/2023 về việc hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây chanh dây trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 476/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 15/6/2023 về hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu đầu đen gây hại cây dứa trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 526/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 30/6/2023 về việc phát triển sản xuất sắn bền vững và phòng trừ bệnh khảm lá virus hại sắn trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 106/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 31/01/2024 về việc hướng dẫn phòng trừ bọ phấn trắng gây hại cây thuốc lá; Văn bản số 194/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 07/3/2024 về việc cảnh báo tình hình rệp sáp gây hại cà phê và biện pháp chỉ đạo phòng trừ trong thời gian tới.

- **Trên cây lúa vụ Mùa 2024:** Tuyên truyền, vận động nông dân áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt (GAP). Bón phân đúng thời kỳ, đầy đủ, cân đối N, P, K, không bón quá nhiều lượng phân đạm. Thường xuyên theo dõi diễn biến của một số đối tượng sâu bệnh có thể phát sinh gây hại mạnh theo các giai đoạn phát triển của cây lúa như: chuột, ốc bươu vàng,, sâu đục thân, bệnh đạo ôn.

- **Trên cây rau các loại:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM và sản xuất rau theo quy trình rau an toàn, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, quy trình sản xuất rau hữu cơ; ưu tiên sử dụng thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc, sinh học, chỉ sử dụng thuốc trong danh mục cho rau và đảm bảo đúng thời gian cách ly theo hướng dẫn trên bao bì.

- **Trên cây cà phê:** Hướng dẫn nông dân cắt cành, tạo tán, tạo độ thông thoáng cho cây, vệ sinh đồng ruộng sạch sẽ, thu gom những cành bị sâu bệnh ra khỏi vườn để tiêu hủy nhằm giảm nguồn tích lũy gây hại. Thường xuyên kiểm tra vườn cây, theo dõi sự phát sinh gây hại của rệp sáp để chủ động phòng trừ. Tưới nước kết hợp với bón phân mùa khô giúp cây sinh trưởng phát triển tốt. Đối với cà phê trồng mới, KTCB thường xuyên thăm vườn để quản lý, phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời.

Những vườn bị nhiễm rệp sáp; rệp vảy xanh, nâu: Đối với vườn mật độ thấp có thể sử dụng các loại thuốc sinh học như: Nhóm *Abamectin* (Queson 5.0EC, Reasgant 3.6EC, Tungatin 3.6EC...), *Nấm tím* (*Paecilomyces*), *Nấm trắng* (*Beauveria*), *Nấm Xanh* (*Metarhizium*)...; đối với vườn mật độ cao nên sử dụng các loại thuốc hóa học có hoạt chất sau: *Alpha-Cypermethrin* (Alfacua10EC, Fastac 5EC, FM-Tox 25EC...) *Acetamiprid* (Advice 3EC, Ascend 200SP, Mospilan 3EC...), *Buprofezin* (Apolo 25WP, Map-Judo 25WP, Partin 25WP...) phun theo nồng độ hướng dẫn trên nhãn bao bì để phun, phun đủ lượng nước thuốc và phun kỹ vào những cây, cành, chùm quả bị rệp gây hại; chú ý nên phun cục bộ cây bị nhiễm. Bón phân đầy đủ cho cây sinh trưởng phát triển tốt. Đối với bệnh gỉ sắt phun cục bộ những cây bị nhiễm bằng các thuốc có hoạt chất như *Hexaconazole* (Annongvin 50SC, Acanvinsuper 55SC, Anvil 5SC...), *Difenoconazole* (Amistar Top 325SC, Ara-super 350SC, Mix Perfect 525SC...). Những vườn cà phê rụng quả do bệnh thán thư gây ra (*Collectotrichum coffeanum*): Hướng dẫn người dân xử lý sớm, kịp thời bằng các loại thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất: *Hexaconazole* (Annongvin 50SC, Acanvinsuper 55SC, Anvil 5SC...), *Metalaxyl + Mancozeb* (Met-Helmer 72WP, Manmetpul 58WP...) pha theo nồng độ khuyến cáo của nhà sản xuất; nếu bệnh nặng phun kép 02 lần, cách nhau 7-10 ngày.

- Trên cây tiêu:

+ Cắt tỉa cành tăm, cành sâu bệnh, cành sát mặt đất làm cho vườn tiêu thông thoáng hạn chế sự tiêu hao dinh dưỡng và phát sinh gây hại của sâu bệnh. Vun cao gốc tiêu để tránh ngập úng. Đối với những vườn có độ dốc thấp dưới 10^0 , đất bằng phẳng phải thiết kế mương thoát nước trong mùa mưa.

+ Đối với vườn tiêu đang phát triển xanh tốt chưa có biểu hiện triệu chứng bệnh hoặc bệnh nhẹ: Áp dụng các biện pháp canh tác tổng hợp bền vững theo hướng hữu cơ sinh học, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật sinh học chứa nấm đối kháng như: *Trichoderma*, *Pseudomonas*, *Streptomyces*, *Bacillus*, *Metarhizium*... và các hoạt chất sinh học như: *Abamectin*, *Paecilomyces*, *Matrine*...

+ Đối với vườn tiêu đã bị nhiễm tuyến trùng, nấm bệnh nhưng còn khả năng phục hồi: Lá vàng, rụng lá, rụng đọt nhưng dưới 50% so với cây bình thường; rễ có nốt sưng, rễ tơ bị hại nhưng rễ chính vẫn còn sống; khi xử lý thuốc kết hợp thuốc trừ tuyến trùng + nấm bệnh, sau 15-20 ngày dùng thuốc kích thích ra rễ giúp cây phục hồi bộ rễ. Đối với tuyến trùng dùng thuốc có hoạt chất: *Carbosulfan* (Vifu-super 5GR, Amitage 200EC...), *Fosthiazate* (Nemathorin 10GR, Quota 10GR, Sagofort 10GR...). Đối với nấm bệnh

dùng hoạt chất: *Dimethomorph* (Insuran 50WG, Phytocide 50 WP, Suzan 500WP...), *Mancozeb* (Vimancoz 80WP, Manozeb 80WP...), *Mancozeb + Metalaxyl* (Ridomil Gold 68WP, Mexyl MZ 72WP...). Đối với các thuốc kích thích bộ rễ, hòa tan trong nước, sục xung quanh gốc cách gốc 30-35cm, sâu 35-40cm, sục từ 8-12 lỗ với lượng nước thuốc 4-5lít/gốc. Nồng độ pha theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Trên cây mía:

+ Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện và kịp thời tổ chức tiêu hủy nguồn bệnh trắng lá mía trên đồng ruộng.

+ Đối với xen tóc: Thường xuyên kiểm tra trên các diện tích đã bị nhiễm xen tóc, những ruộng mía có mật độ trên 2 con/gốc tiến hành xử lý ngay bằng thuốc sinh học có gốc *Metarhizium*, tiến hành cày rãnh sau đó rải thuốc và lấp đất lại; liều lượng dùng 3-4 kg/ha. Dùng bẫy đèn để bắt trưởng thành khi vũ hóa rộ vào tháng 8-9 khi có những đợt mưa lớn.

+ Đối với những ruộng mía đang bị bọ hung gây hại: Làm cỏ, vệ sinh đồng ruộng, thu dọn tàn dư cây mía (gốc, lá già) đem tiêu hủy. Dùng một trong các loại thuốc trừ bọ hung có hoạt chất như *Emamectin benzoate*, *Chlorpyrifos methyl*... bón vào hai bên gốc mía, sau đó vun thành luống. Có thể sử dụng biện pháp thủ công tập trung bắt bọ hung non và trưởng thành đem tiêu hủy, đây là biện pháp mang lại hiệu quả phòng trừ cao, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Trên cây sắn:

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quy trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá virus hại sắn do Cục Bảo vệ thực vật ban hành tại Văn bản số 1605/BVTV-TV ngày 21/7/2017; Quy trình canh tác sắn bền vững, Quy trình sản xuất giống sắn sạch bệnh khảm lá do Cục Trồng trọt ban hành tại Văn bản số 622/TT-CLT ngày 29/5/2019.

+ Sử dụng nguồn giống sắn sạch bệnh, giống sắn ít bị nhiễm bệnh như KM94, giống kháng bệnh; hạn chế việc trao đổi, mua bán giống không rõ nguồn gốc, giống bị nhiễm bệnh nặng như HL-S11. Khuyến cáo người dân trồng giống sắn HN5, là giống sắn có năng suất khá cao, kháng bệnh khảm lá virus (*giống HN5 đã được Viện Di truyền Nông nghiệp công bố lưu hành tại các tỉnh Tây Nguyên từ ngày 23/11/2023*).

+ Bón phân cân đối, phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây, giúp cây sắn sinh trưởng phát triển thuận lợi, tăng khả năng kháng bệnh khảm lá sắn.

- Trên cây điều: Tăng cường kiểm tra đồng ruộng nếu thấy bọ xít muỗi xuất hiện và gây hại tiến hành sử dụng các hoạt chất như *Citrus oil*, *Permethrin* để phòng trừ. Phòng trừ bọ xít muỗi hại điều theo Văn bản số 453/BVTV-QLSVGHR ngày 15/3/2017 của Cục Bảo vệ thực vật về việc ban hành Quy trình kỹ thuật quản lý bọ xít muỗi và bệnh thán thư hại điều.

- Trên các loại cây ăn quả: Thường xuyên thăm vườn, theo dõi tình hình SVGH để có biện pháp xử lý kịp thời; hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh hại trên cây chanh dây tại Văn bản số 480/TT-CCN ngày 10/4/2024 của Cục Trồng trọt về việc sỏ tay hướng dẫn kỹ thuật canh tác theo VietGAP cho một số cây ăn quả chủ lực.

Đề nghị Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên

theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật gây hại và công tác chỉ đạo, hướng dẫn ở UBND cấp xã; tổ chức kiểm tra thực tế tình hình sinh vật gây hại trên đồng ruộng; kịp thời phối hợp, hỗ trợ UBND cấp xã chỉ đạo phòng chống hiệu quả, ngăn chặn kịp thời, tránh để lây lan. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc báo cáo kịp thời về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (điện thoại 0269.3872360) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt (b/c);
- Cục Bảo vệ thực vật (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Trung tâm BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV & KDTV.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Thi Thơ

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ

(Từ ngày 27/6/2024 đến ngày 03/7/2024)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Cây Cà phê									
1	Bệnh gỉ sắt	2.972,9				2.972,9	-6,7	+22,4	471	Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, IaGrai, Đức Cơ...
2	Rệp sáp	3.241	315,5			3.556,5	-555,5	+1.178	1.881	Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Sê, ...
3	Rệp vảy xanh, nâu	891,3	153,6			1.044,9	-25,4	+831,4	170	Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Sê, ...
4	Bệnh khô cành	2.793	212,8			3.005,8	-24,4	+90,2	648	Chư Prông, Ia Grai, Mang Yang, Chư Păh,...
II	Cây Tiêu									
1	Bệnh chết chậm	340	310,3	92,3		742,6	-12	+24	170	Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa,...
III	Cây Sắn									
1	Khảm lá virus	177,3	12,5	1,7		191,5	-01	-684	-	Krông Pa, Ia Pa, Ayun Pa